

FORESTRY LAND ALLOCATION TO MOUNTAINOUS COMMUNITIES IN MINH HOA DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE

THỰC TRẠNG GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP CHO CỘNG ĐỒNG MIỀN NÚI HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

Phan Thanh Quyết¹, Cao Lương Bằng², Nguyễn Hữu Cường³, Trần Thế Hùng¹

¹Trường Đại học Quảng Bình

²Địa chính xã Hóa Tiến, huyện Minh Hóa

³Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT: Minh Hóa là huyện miền núi, vùng cao biên giới nằm về phía Tây của tỉnh Quảng Bình có tổng diện tích đất tự nhiên là 139.377,37ha [1], trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 124.619,01ha, chiếm 89% tổng diện tích tự nhiên; bao gồm 59.726,59ha đất rừng sản xuất, chiếm 47,93%; đất rừng phòng hộ 34.206,94ha, chiếm 27,45%; đất rừng đặc dụng 30.685,48ha, chiếm 24,62 % diện tích đất lâm nghiệp. Trong tổng số diện tích đất lâm nghiệp, huyện Minh Hóa đã giao 15.991,17ha cho 62 cộng đồng dân cư thôn/bản quản lý, thuộc 12 xã và thị trấn Quy Đạt. Trong diện tích đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng quản lý có 5.895,32ha đất rừng sản xuất và 10.095,85ha đất rừng phòng hộ. Kết quả của bài báo, cung cấp thông tin về hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp, phản ánh tình hình giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư thôn bản miền núi huyện Minh Hóa, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giao đất lâm nghiệp, công tác quản lý bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng và là cơ sở cho đề xuất các mô hình phát triển sinh kế cho cộng đồng dân tộc miền núi vùng Minh Hóa.

Từ khóa: Lâm nghiệp, giao đất lâm nghiệp, cộng đồng dân cư, dân tộc thiểu số.

ABSTRACT: Minh Hoa is a mountainous district, bordering highland frontier area to the West of Quang Binh province with a total natural land area of 139.377,37ha[1], in which the area forestry land is 124.619,01ha, account 89% of total forestry land; including 59.726,59ha for production forest land, account 47,93%; The land forest of protection is 34.206,94ha, account 27,45%; special forest land is 30.685,59ha, account 24,62% of the forestry land. In total forestry land area, Minh Hoa district has allocated 15.991,17ha to 62 village/hamlet communities management, belonging to 12 communes and Quy Dat Town. In the area of forestry land allocated to the community for management, there is 5.895,32ha of forest land production, and 10.095,85ha of forest land protection. The result of the article, proving information on the current of status forestry land use, reflects the situation of forestry land allocation to communities in mountainous villages/hamlets management in Minh Hoa district, from that propose to improve the efficiency of forestry land allocation, community - based forest management and protection services and as a basis for proposing models livelihood development for mountainous ethnic communities Minh Hoa region.

Key words: Forestry, allocation forestry land, communities hamlets, ethnic minorities.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý là một trong những chủ trương trọng tâm của Nhà nước nhằm xã hội hóa công tác bảo vệ rừng, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững. Chủ trương này giúp cho các cộng đồng dân cư và các hộ gia đình, cá nhân ở những địa phương có nhiều quỹ đất lâm nghiệp có cơ hội để nhận đất và rừng nhằm quản lý, bảo vệ và sản xuất. Việc này góp phần nâng cao thu nhập cho cộng đồng, sử dụng hiệu quả hơn quỹ đất lâm nghiệp cũng như nâng cao chất lượng công tác bảo vệ rừng của các địa phương tham gia thực hiện chính sách này. Việc thực hiện chính sách giao đất lâm nghiệp nói chung và giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý, sử dụng nói riêng đã được thực hiện tại nhiều địa phương khác nhau trên cả nước và thu được những kết quả nhất định. Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện chính sách này là việc làm cần thiết và thiết thực, phù hợp với nguyện vọng của người dân. Sau khi nhận đất, nhận rừng người dân đã chú trọng đầu tư sản xuất, sử dụng đất đai cũng như tài nguyên rừng hợp lý và hiệu quả. Việc giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý đã có ảnh hưởng tốt đến công tác bảo vệ môi trường; có nhiều ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống của người dân như góp phần tăng thu nhập và giải quyết một phần việc làm cho các hộ dân, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại các cộng đồng dân cư được giao đất lâm nghiệp [4].

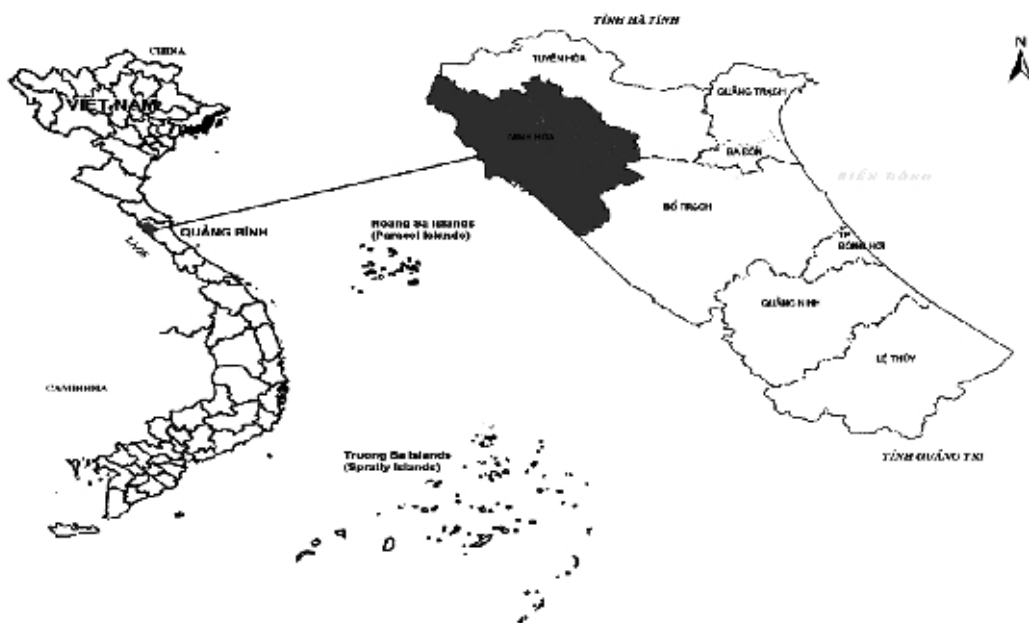
Minh Hóa là huyện miền núi đặc biệt khó khăn của tỉnh Quảng Bình, với dân số năm 2020 là 52.537 người, mật độ 37 người/km², với 12.529 hộ, gồm có 8 dân tộc

thiểu số; dân tộc Bru - Vân Kiều với 1.087 hộ (5.203 khẩu); dân tộc Chứt với 4 nhóm người (Sách với 890 hộ (3.204 khẩu), Mày với 448 hộ (2.382 khẩu), Rục với 96 hộ (360 khẩu) và A Rem với 3 hộ (13 khẩu); dân tộc Mường với 32 hộ (98 khẩu); Dân tộc Thổ với 17 hộ (52 khẩu); dân tộc Tày với 26 hộ (71 khẩu); dân tộc Khơ Me với 1 hộ (6 khẩu) và dân tộc Nùng với 3 hộ (12 khẩu) [7]. Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, huyện Minh Hóa đã bắt đầu thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho cộng đồng quản lý, bảo vệ và sản xuất từ năm 2012. Công tác này đã thu được những kết quả tích cực trong việc bảo vệ rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp, nâng cao đời sống cho người dân tại các cộng đồng dân cư được giao đất... Tuy nhiên, việc giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý tại huyện cũng còn một số vấn đề cần phải quan tâm như việc quản lý đất sau khi giao cho cộng đồng chưa chặt chẽ; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm; hầu hết các hộ đều thiếu vốn đầu tư sản xuất... Xuất phát thực tế trên, kết quả bài báo phản ánh được thực trạng công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng ở miền núi Minh Hóa và tình hình sinh kế của người dân tộc thiểu số nơi đây.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian, phạm vi và địa điểm nghiên cứu

Kết quả bài báo tiến hành từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 6 năm 2020, trên địa bàn huyện Minh Hóa và tập trung nghiên cứu sâu về tình hình sinh kế và giao đất ở 5 xã dân tộc thiểu số là Dân Hóa, Trung Hóa, Trọng Hóa, Hóa Sơn và Thượng Hóa.



Hình 1. Sơ đồ vị trí khu vực nghiên cứu

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm quỹ đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng quản lý; các cộng đồng dân cư thôn bản được giao đất lâm nghiệp nói chung và cộng đồng dân tộc thiểu số nói riêng; các cán bộ chuyên môn liên quan đến công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng trên địa bàn huyện Minh Hóa.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bên cạnh các phương pháp thu thập số liệu thứ cấp từ các đơn vị ban ngành, kết quả bài báo sử dụng 2 phương pháp chính đó là phương pháp PRA và phương pháp điều tra hiện trường.

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 30 hộ gia đình thuộc 5 cộng đồng được giao đất giao rừng nhiều nhất trên địa bàn huyện Minh Hóa gồm Thượng Hóa, Trung Hóa, Hóa Sơn, Dân Hóa và Trọng Hóa. Mỗi cộng đồng phỏng vấn 6 hộ dân bằng bảng hỏi đã được soạn sẵn. Nội dung của bảng hỏi tập trung vào tìm hiểu về tác

động của việc giao đất lâm nghiệp đến đời sống, thu nhập và việc làm của người dân cũng như những thuận lợi và khó khăn của người dân sau khi được giao đất lâm nghiệp để quản lý và sử dụng...

Phòng vấn các cán bộ chuyên môn có liên quan đến công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng tại huyện Minh Hóa bằng cách phỏng vấn trực tiếp. Tổng số cán bộ chuyên môn được phỏng vấn là 15 người. Trong đó có 5 cán bộ của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Hóa, 5 cán bộ của Hạt Kiểm lâm huyện Minh Hóa và 5 cán bộ địa chính của các xã có diện tích đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng quản lý và sử dụng. Nội dung tham vấn tập trung vào tìm hiểu các vấn đề như thuận lợi và khó khăn trong quá trình giao đất, các giải pháp để nâng cao hiệu quả của công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng....

Tiến hành tham vấn ý kiến của những người am hiểu sâu về công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng tại huyện Minh Hóa

bằng cách phỏng vấn trực tiếp. Những người được tham vấn bao gồm lãnh đạo của phòng Tài nguyên và Môi trường và lãnh đạo của Hạt Kiểm lâm huyện Minh Hóa. Nội dung tham vấn tập trung vào tìm hiểu những khó khăn gặp phải trong quá trình giao đất lâm nghiệp và các giải pháp để nâng cao hiệu quả của công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng tại huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Minh Hóa

Huyện Minh Hóa là một trong những huyện thuộc miền núi của tỉnh Quảng Bình, có diện tích đất tự nhiên khá lớn so với các huyện khác trong tỉnh; với tổng diện tích đất tự nhiên là 139.375,37ha. Diện tích, cơ cấu các loại đất lâm nghiệp của huyện năm 2020 được thể hiện trong bảng 1.

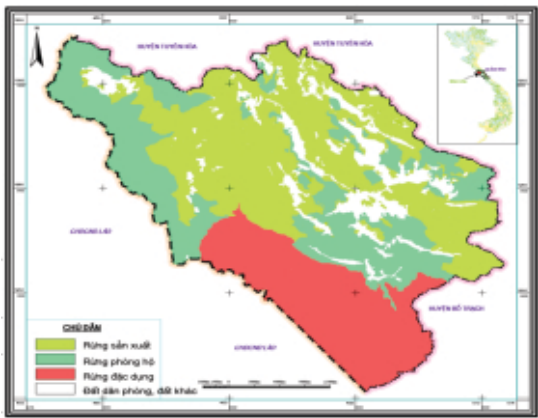
Bảng 1. Diện tích, cơ cấu các loại đất lâm nghiệp của huyện Minh Hóa năm 2020

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Đất lâm nghiệp		124.619,01	100
1	Đất rừng sản xuất	59.726,59	47,93
2	Đất rừng phòng hộ	34.206,94	27,45
3	Đất rừng đặc dụng	30.685,48	24,62

(Nguồn: Chi cục Kiểm Lâm tỉnh Quảng Bình)

Qua Bảng 1 cho thấy, tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện Minh Hóa là 124.619,01ha, chiếm 89% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện, bao gồm đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng. Diện tích rừng sản xuất của huyện

tương đối lớn, với tổng diện tích 59.726,59ha, chiếm 47,93% diện tích đất lâm nghiệp. Rừng sản xuất trên địa bàn huyện bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Rừng tự nhiên bao gồm rừng trên núi đất và rừng trên núi đá. Đối với rừng sản xuất là rừng trồng hiện nay chủ yếu là trồng keo làm nguyên liệu giấy và một số loài cây ăn quả và trồng một số loài cây trồng bản địa như: Lim xanh, giổi.



(Nguồn: Kết quả xử lý bản đồ kiểm kê rừng 2020)

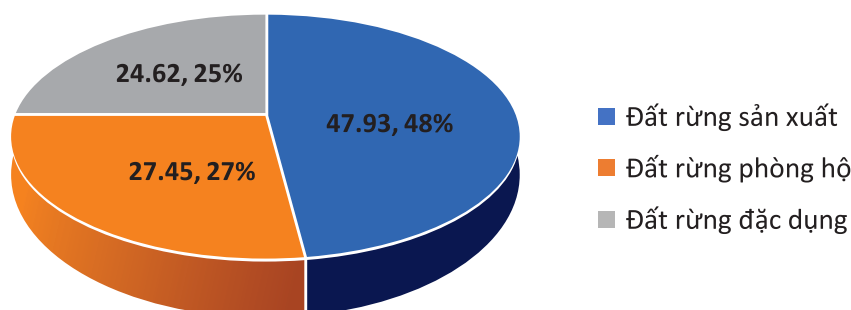
Hình 2. Bản đồ chức năng 3 loại rừng huyện Minh Hóa

Diện tích rừng phòng hộ cũng chiếm diện tích tương đối lớn với 34.206,94ha, chiếm 27,45% diện tích đất lâm nghiệp, chủ yếu tập trung ở diện tích các lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Minh Hóa quản lý. Diện tích rừng phòng hộ tập trung nhiều ở các xã Trọng Hóa, Dân Hóa,

Trung Hóa và Thượng Hóa; đây chủ yếu là diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, dọc các con suối, các khe của thượng nguồn Sông Gianh và sông Rào Nan. Với chức năng phòng hộ đầu nguồn (phòng hộ xung yếu, rất xung yếu) nên rừng phòng hộ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc điều tiết dòng chảy ở các con sông, khe suối, góp phần chống lũ lụt khi mùa mưa bão tới.

Diện tích rừng đặc dụng là 30.685,48 ha, chiếm 24,62% diện tích đất lâm nghiệp, tập trung chủ yếu ở xã Thượng Hóa với 21.962,98ha, Hóa Sơn với 8.613,3ha và một phần nhỏ ở xã Dân Hóa với 109,17ha, đây là vùng mở rộng của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; trong đó phần diện tích nằm ở xã Thượng Hóa là chủ yếu chiếm

71,6% diện tích rừng đặc dụng của Huyện. Rừng đặc dụng với chức năng là nơi phục vụ cho nghiên cứu khoa học, bảo tồn gen các loài động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, đồng thời là địa điểm học tập, giáo dục môi trường về các vấn đề thiên nhiên hiện nay.



Sơ đồ 1. Cơ cấu diện tích đất lâm nghiệp năm 2020 huyện Minh Hóa

Phân bố giữa các loại đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng theo từng địa phương cũng không đồng đều, do tính chất xung yếu của thảm thực vật rừng trên mỗi địa bàn khác nhau. Điều đó thể hiện rõ ở khu vực các xã thuộc huyện Minh Hóa có diện tích đất rừng sản xuất tương đối lớn, trung bình từ 30 - 50% tổng diện tích đất lâm nghiệp, xã Hóa Sơn, Thượng Hóa, Hồng Hóa, Trọng Hóa, Dân Hóa có diện tích rừng sản xuất tương đối lớn chiếm trên 50% diện tích đất lâm nghiệp. Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn huyện đang triển khai

một số chương trình dự án về bảo tồn các loài động vật quý hiếm như bảo tồn loài Voọc đen gáy trắng, chà vá chân nâu.

Tuy nhiên, về cơ cấu chủ sử dụng đất lâm nghiệp ở đây còn rất nhiều bất cập. Đất được giao cho các tổ chức, doanh nghiệp kinh tế Nhà nước quản lý, sử dụng chiếm diện tích rất lớn so với diện tích đất lâm nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất, canh tác. Cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp theo chủ sử dụng được thể hiện rõ ở Bảng 2.

Bảng 2. Cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp theo chủ sử dụng*Đơn vị tính: ha*

STT	Đối tượng sử dụng	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Tổng
1	Hộ gia đình, cá nhân	21.655,35	777,58		22.432,9
2	Tổ chức	11.122,99	17.311,0		59.119,7
2.1	Tổ chức kinh tế	9.239,55	136,4		9.375,94
2.2	Tổ chức sự nghiệp công lập	1.883,44	1.7174,81	30.685,48	49.743,74
3	Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo	26.948,25	16.118,15		43.066,40
Tổng		59.726,59	34.206,94	30.685,48	124.619,01

(Nguồn: *Hạt Kiểm lâm huyện Minh Hóa, kết quả phỏng vấn năm 2020*)

Qua số liệu Bảng 2 cho thấy phần lớn diện tích đất lâm nghiệp thuộc quyền sử dụng của các tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập, với 59.119,7ha chiếm 47,4% tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn. Trái lại, đất lâm nghiệp được giao cho hộ gia đình, cá nhân (22.432,9ha) chỉ chiếm trung bình 8% diện tích đất lâm nghiệp, một số địa phương có quỹ đất lâm nghiệp lớn nhưng diện tích đất giao cho hộ gia đình, cá nhân rất ít, như: xã Thượng Hóa, Hóa Sơn, Dân Hóa. Trong khi đó, quỹ đất lâm nghiệp do UBND xã quản lý rất nhiều, với 37.268,79ha chiếm tới 29,9% diện tích đất lâm nghiệp, điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến diện tích quỹ đất lâm nghiệp phục vụ giao cho cộng đồng dân tộc miền núi trên địa bàn.

Qua đó, phản ánh được thực trạng hiện nay người dân địa phương đang nhận được

rất ít diện tích đất lâm nghiệp, cũng như cơ hội để được tiếp cận với đất lâm nghiệp để phục vụ cho sản xuất cũng rất hạn chế. Ngược lại, diện tích đất lâm nghiệp chủ yếu tập trung thuộc quyền sử dụng của các tổ chức kinh tế nhà nước, công ty lâm nghiệp, lâm trường Minh Hóa, ban quản lý rừng phòng hộ Minh Hóa trong khi việc đánh giá tính hiệu quả sử dụng đất đến nay vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn.

3.2. Phân tích kết quả giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý huyện Minh Hóa

3.2.1. Kết quả giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý

Trong giai đoạn 2016-2020, huyện Minh Hóa đã thực hiện việc giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý trên địa bàn huyện. Kết quả được thể hiện tại Bảng 3.

Bảng 3. Tổng hợp chung về tình hình giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý tại huyện Minh Hóa giai đoạn 2016-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (ha)	Số lượng
1	Tổng diện tích đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng quản lý	15.991,17	100%
1.1	Diện tích đất rừng sản xuất được giao cho cộng đồng quản lý	5.895,32	36,9%
1.2	Diện tích đất rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng quản lý	10.095,85	63,1%
2	Tỷ lệ đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng quản lý so với tổng diện tích đất lâm nghiệp hiện trạng	%	12,83%
3	Số xã có đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng quản lý	Xã	12 xã và 01 thị trấn
4	Tỷ lệ xã có đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng quản lý so với tổng số xã, thị trấn của huyện	%	86,7%
5	Bình quân diện tích đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng quản lý	Ha/cộng đồng	1230,09ha/cộng đồng

(Nguồn: Hạt Kiểm lâm huyện Minh Hóa, kết quả phỏng vấn năm 2020)

Số liệu tại Bảng 3 cho thấy, trong giai đoạn 2016-2020, huyện Minh Hóa đã thực hiện giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý trên địa bàn huyện với tổng diện tích là 15.991,17ha, chiếm 12,83% so với tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện. Trong tổng diện tích đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng quản lý có 5.895,32ha đất rừng sản xuất; 10.095,85ha đất rừng phòng hộ. Đã có 12 cộng đồng và thị trấn Quy Đạt được giao đất lâm nghiệp để quản lý với diện tích bình quân giao cho 1 cộng đồng là 1.230,09ha. Trong tổng số 15 xã và thị trấn

trên địa bàn huyện Minh Hóa có 13 xã thực hiện giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng, chiếm 86,7% tổng số xã và thị trấn trên địa bàn huyện.

3.2.2. Kết quả giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng theo đơn vị hành chính

Trong giai đoạn 2016-2020, huyện Minh Hóa đã thực hiện giao 15.991,17ha đất lâm nghiệp cho 13 cộng đồng trên địa bàn các xã và thị trấn của huyện quản lý. Kết quả giao đất lâm nghiệp cho từng xã được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả GĐLN cho cộng đồng quản lý tại huyện Minh Hóa trong giai đoạn 2016-2020

STT	Tên xã	Diện tích giao cho cộng đồng quản lý (ha)	Số cộng đồng được giao (cộng đồng)	Loại đất lâm nghiệp được giao
1	Thị trấn Quy Đạt	329,17	6	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ
2	Dân Hóa	1.802,60	6	Rừng sản xuất
3	Trọng Hóa	176,22	1	Rừng phòng hộ
4	Hóa Phúc	0	0	
5	Hồng Hóa	614,08	7	Rừng sản xuất
6	Hóa Thanh	357,24	4	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ

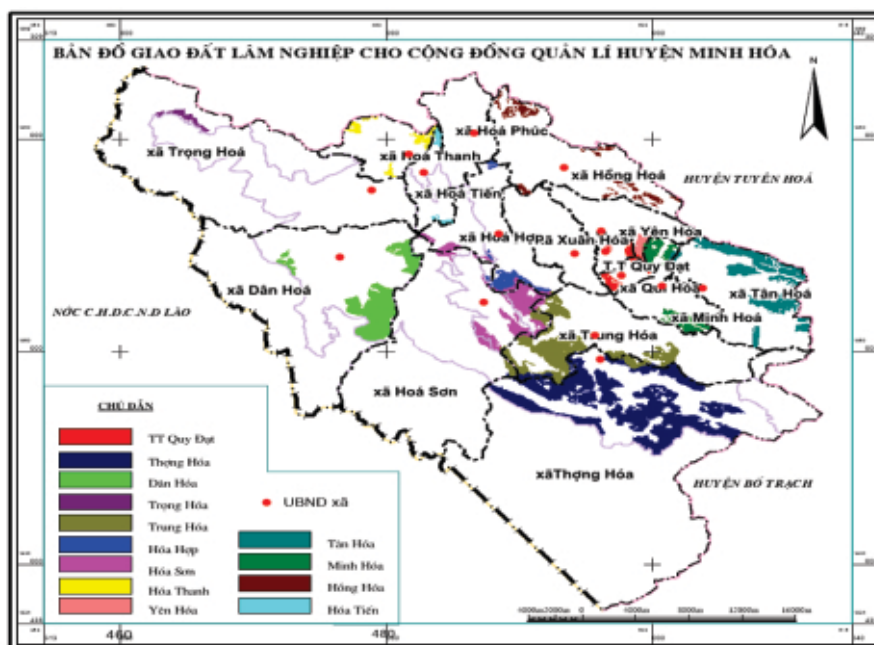
7	Hóa Tiến	151,42	2	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ
8	Hóa Hợp	464,1	4	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ
9	Xuân Hóa	0	0	
10	Yên Hóa	209,74	1	Rừng sản xuất
11	Minh Hóa	733,88	4	Rừng sản xuất
12	Tân Hóa	1.797,55	6	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ
13	Hóa Sơn	1.574,18	5	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ
14	Trung Hóa	2.282,63	6	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ
15	Thượng Hóa	5.498,36	10	Rừng sản xuất và rừng phòng hộ
Tổng		15.991,17	62	

(Nguồn: *Hạt Kiểm lâm huyện Minh Hóa, kết quả điều tra bổ sung năm 2020*)

Trong giai đoạn 2016-2020, việc giao đất LN cho CĐ quản lý có được thực hiện ở 12 xã và thị trấn Quy Đạt trên địa bàn huyện. Phần lớn các xã này có diện tích đất lâm nghiệp lớn chiếm trên 85% diện tích tự nhiên của xã. Các xã được giao đất lâm nghiệp bao gồm: Thượng Hóa, Trung Hóa, Dân Hóa, Trọng Hóa, Minh Hóa, Hóa Hợp, Hóa Sơn, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Hồng Hóa và thị trấn Quy Đạt. Còn 2 xã chưa tiến hành giao đất là xã Xuân Hóa và Hóa Phúc, vì đặc thù xã có diện tích đất lâm nghiệp tương đối ít và về cơ bản diện tích đất đã được giao theo các chương trình dự án khác trước đây cho các hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn, do theo rà soát kiểm kê đất lâm nghiệp năm 2020, quỹ đất lâm nghiệp ở đa số ở 02 xã đều rất ít, sẽ tiến hành rà soát, xác định nhu cầu của các cộng đồng để tiến hành giao đất khi cộng đồng có nhu cầu và phù hợp với điều kiện thực tế.

Diện tích đất LN bình quân giao tại mỗi xã 1.230,09 ha. Trong đó, xã Thượng

Hóa có diện tích đất LN giao nhiều nhất với 5498,36ha, chiếm 34,4% tổng diện tích đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng trên địa bàn huyện. Xã có diện tích đất LN giao ít nhất là xã Hóa Tiến với 151,42 ha, chiếm 0,95% diện tích đất LN được giao. Sở dĩ có sự không đồng đều trong vấn đề giao đất LN như vậy là do căn cứ vào quỹ đất của từng địa phương để có phương án giao đất phù hợp. Xã Hóa Tiến diện tích đất LN tương đối ít với 1.929,17ha, và căn cứ vào nhu cầu giao đất cho cộng đồng. Bình quân mỗi xã có khoảng 1-6 cộng đồng được giao đất lâm nghiệp để quản lý. Xã có số lượng cộng đồng được giao nhiều nhất là xã Thượng Hóa với 10 cộng đồng được giao gồm có: Bán Ôn, bản Mò o ồ ồ, bản Phú Minh, bản Yên Hợp, thôn Hát, thôn Khai Hóa, thôn Phú nhiều, Thôn Quang, thôn Quyền và thôn Tiến Hóa. Xã có số lượng cộng đồng thôn ít nhất (01 cộng đồng) là xã Trọng Hóa (thôn Trọng Hóa) và Yên Hóa (thôn Yên Bình).



(Nguồn: Chi cục Kiểm lâm và kết quả xử lý bản đồ năm 2020)

Hình 3. Bản đồ giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý huyện Minh Hóa

Bảng 5. Kết quả giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý theo từng năm trong giai đoạn 2016-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
1	Diện tích đất lâm nghiệp được giao	ha	5.664,40	3.344,30	3.446,50	1.921,60	1.614,37	15.991,17
1.1	Đất rừng sản xuất	ha	2.153,2	1.657,2	984,1	535,1	565,72	5.895,32
1.2	Đất rừng phòng hộ	ha	3.511,2	1.687,1	2.462,4	1.386,5	1.048,65	10.095,85
2	Số cộng đồng được giao	Cộng đồng	21	11	12	10	8	62
3	Ha/cộng đồng		269,73	304,03	287,21	192,16	201,80	257,92

(Nguồn: Chi cục Kiểm lâm và kết quả điều tra bổ sung năm 2020)

Số liệu tại Bảng 5 cho thấy việc giao đất LN cho cộng đồng quản lý có được thực hiện ở tất cả các năm trong giai đoạn 2016-2020. Bình quân diện tích giao trên 1 năm là 3198,23ha. Căn cứ vào chương trình phát triển ngành lâm nghiệp, cũng như quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của UBND huyện, năm 2016 tiến hành giao đất cho cộng đồng quản lý là nhiều nhất với

5664,4ha, do trong năm này thực hiện kết quả kiểm kê rừng toàn tỉnh năm 2016, nên tiến hành giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý.

Việc giao đất lâm nghiệp theo từng năm được thực hiện cho tất cả các loại đất lâm nghiệp, bao gồm diện tích đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ, với các trạng thái rừng tự nhiên nghèo kiệt, các trạng thái

đất trống có cây gỗ rải rác và rừng trồng. Trong giai đoạn này, mỗi năm bình quân huyện Minh Hóa có 13 cộng đồng được giao đất LN, với diện tích bình quân giao cho 1 cộng đồng là 257,92ha.

3.2.3. Tổng hợp, phân tích ý kiến các bên liên quan trong công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý

3.2.3.1. Ý kiến của cán bộ chuyên môn

Để tìm hiểu sự đánh giá của các cán bộ chuyên môn đến công tác giao đất lâm

nghiệp cho cộng đồng quản lý trên địa bàn huyện Minh Hóa trong giai đoạn 2016-2020, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 15 cán bộ chuyên môn có liên quan đến công tác này. Trong đó có 5 cán bộ của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Hóa, 5 cán bộ của Hạt Kiểm lâm huyện Minh Hóa và 5 cán bộ địa chính của các xã có diện tích đất lâm nghiệp được giao cho cộng đồng quản lý và sử dụng. Kết quả được thể hiện ở Bảng 6 như sau:

Bảng 6. Tổng hợp ý kiến của các bộ chuyên môn về công tác giao đất lâm nghiệp cho đồng bào quản lý tại huyện Minh Hóa

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Những khó khăn trong công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng	15	100
1.1	Bất cập của chính sách	0	-
1.2	Sự yếu kém của cán bộ thực hiện	1	6,67
1.3	Chính quyền các cấp thiếu quan tâm, chỉ đạo	1	6,67
1.4	Thiếu tính minh bạch	0	-
1.5	Khó khăn về điều kiện tự nhiên: địa hình, khí hậu,..	7	46,67
1.6	Tranh chấp đất đai kéo dài, khó giải quyết	1	6,67
1.7	Thiếu sự phối hợp của người dân	2	13,33
1.8	Phương pháp thực hiện chưa hợp lý	1	6,67
1.9	Giao đất không đồng đều giữa các hộ	1	6,67
1.10	Thiếu sự đồng thuận	1	6,67
2	Tính hiệu quả của công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng	15	100
2.1	Hiệu quả	9	60,00
2.2	Không hiệu quả	2	13,33
2.3	Ít hiệu quả	4	26,67

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn năm 2020)

Kết quả khảo sát tại Bảng 6 cho thấy:

- Đánh giá về những khó khăn trong công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng: đã có 46,7% cán bộ chuyên môn cho rằng công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý đang gặp khó khăn về vấn đề điều kiện tự nhiên như địa hình đồi núi hiểm trở, diện tích rừng được giao phân bố ở

những vùng sâu, vùng xa xôi nên khó tiếp cận trong việc xác định ranh giới lô rừng, đặc biệt ở các xã Thượng Hóa, Dân Hóa và Trọng Hóa. Một trong những khó khăn thứ 2 trong công tác GĐLN đó là thiếu sự phối hợp của người dân, vì đa số ở các bản được giao là cộng đồng dân tộc thiểu số nên việc tiếp cận để phổ biến cho cộng đồng về vấn

đề giao đất lâm nghiệp còn mới mẻ, sự nhận biết của cộng đồng còn hạn chế với môi trường bên ngoài. Bên cạnh đó, vấn đề giao đất không đồng đều giữa các hộ dân cũng là vấn đề gây khó khăn trong công tác giao đất LN, vấn đề này dẫn đến có những hộ được giao ở những tiểu khu, khoảnh gần đường giao thông, có những hộ được giao ở những lô đất xa, hiểm trở điều này dẫn đến nhiều vấn đề bất cập, mâu thuẫn trong cộng đồng

- Đánh giá về tính hiệu quả của công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng:

Trong tổng số cán bộ chuyên môn được khảo sát có 60% cho rằng công tác giao đất lâm nghiệp đã đạt được hiệu quả,

26,7% cho là ít hiệu quả, 13,3% cho là không hiệu quả. Lý do dẫn đến kết quả này là do việc giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý đã tạo điều kiện cho cộng đồng có đất để canh tác, kết hợp với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo cho cộng đồng yên tâm sản xuất, tránh tình trạng tranh chấp đất đai xảy ra. Cũng có một số ý kiến cho rằng, việc giao đất LN cho cộng đồng quản lý là chưa hiệu quả do khả năng tiếp cận đề sử dụng đất LN sau khi được giao của cộng đồng còn chưa hiệu quả.

3.2.3.2. Ý kiến của các hộ dân tại các cộng đồng được giao đất lâm nghiệp

Bảng 7. Tổng hợp ý kiến đánh giá của người dân về công tác giao đất lâm nghiệp cho đồng bào quản lý tại huyện Minh Hóa

STT	Nội dung khảo sát	Ý kiến đánh giá	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Tính cấp thiết về nhu cầu được giao đất lâm nghiệp	Cấp thiết	10	33,33
		Rất cấp thiết	15	50,00
		Không biết	5	16,67
2	Hoạt động của người dân sau khi được giao đất lâm nghiệp	Mở rộng canh tác trồng cây lương thực, chăn nuôi	12	40,00
		Trồng rừng	14	46,67
		Khác	4	13,33
3	Các hỗ trợ người dân nhận được sau khi được giao đất lâm nghiệp	Giống cây trồng	8	26,67
		Vốn	6	20,00
		Kỹ thuật canh tác	4	13,33
		Phân bón	7	23,33
		Công cụ sản xuất	5	16,67
4	Người dân biết thông tin về chủ trương giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng từ các nguồn	Họp thôn	19	63,33
		Cán bộ địa phương	6	20,00
		Không biết	5	16,67

Kết quả khảo sát tại bảng 7 cho thấy:

- Đánh giá về tính cấp thiết nhu cầu được giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý: đã có 50% hộ dân cho rằng công

tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý là rất cấp thiết, có 33,3% ý kiến cho rằng vấn đề giao đất LN là cấp thiết, và 16,7% là không biết hoặc không có thông tin.

- Đánh giá các hoạt động của người dân sau khi được giao đất lâm nghiệp.

Sau khi được giao đất LN, hầu hết cộng đồng đều trực tiếp sản xuất bằng nhiều hình thức canh tác khác nhau. Có 46,7% hộ dân sử dụng đất được giao để trồng rừng sản xuất với các loài cây chủ đạo như: Keo lai, cây ăn quả; có 40% hộ dân là mở rộng canh tác trồng cây lương thực, chăn nuôi dê, gà để phát triển kinh tế.

- Đánh giá về các hình thức hỗ trợ mà người dân nhận được sau khi được giao đất lâm nghiệp. Sau khi được giao đất lâm nghiệp các hộ dân được nhận hỗ trợ để sản xuất thông qua nhận giống cây trồng, dụng cụ sản xuất, hỗ trợ vốn, hỗ trợ phân bón. Có 26,7% hộ dân tham gia phỏng vấn trả lời là được nhận giống cây trồng sau khi nhận đất lâm nghiệp như cây Keo nuôi cây mô, cây ăn quả: bưởi da xanh. Bên cạnh đó, có 23,3% hộ dân được nhận phân bón để tiến hành trồng rừng và canh tác sau khi được giao đất lâm nghiệp, mỗi hộ được nhận 10kg phân NPK. Ngoài ra, thông qua các chương trình hỗ trợ sinh kế vùng cao, các hộ dân còn được tập huấn về kỹ thuật canh tác, vốn để chăn nuôi, trồng trọt.

- Đánh giá về mức độ tiếp cận thông tin về chủ trương giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư. Trong tổng số 30 hộ dân tiến hành phỏng vấn, có đến 19 hộ tiếp cận thông tin về chủ trương giao đất lâm nghiệp qua các buổi họp thôn do chính quyền địa phương tổ chức, chiếm 63,3%, có 20% là tiếp cận thông tin thông qua cán bộ địa phương thôn, bản. Qua đó cho thấy, tiếp cận thông tin về chủ trương giao đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện đối với cộng đồng còn thụ động, do sự hạn chế về cơ sở vật chất, thông tin liên lạc.

3.3. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giao đất lâm nghiệp

3.3.1. Giải pháp về triển khai thực hiện

- Thực hiện giao đất sản xuất lâm nghiệp ở những khu vực gần khu dân cư trước, giúp đồng bào ổn định phát triển sản xuất hướng tới xây dựng mô hình hiệu quả trồng rừng sản xuất với mục đích phổ biến nhân rộng để tiếp tục tiến hành giao đất ở những khu vực khó khăn, xa khu dân cư cho người dân sản xuất.

- Đánh giá đầy đủ nhu cầu và hạn mức sử dụng đất lâm nghiệp của cộng đồng dân tộc miền núi để tiến hành giao đất đúng đối tượng, diện tích đất phù hợp với nhu cầu sản xuất, canh tác tránh các hiện tượng lãng phí đất đai hoặc diện tích đất giao nhỏ, lẻ người dân không sản xuất để hoang hóa nảy sinh các vấn đề về tranh chấp, lấn chiếm đất đai. Theo đó, cần nâng hạn mức giao đất sản xuất lâm nghiệp để người dân yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất canh tác hướng đến sử dụng hiệu quả và thu lợi lớn trên diện tích đất được giao.

3.3.2. Giải pháp về tài chính

- Cần tập trung ưu tiên nguồn kinh phí cho nhiệm vụ tổ chức GĐLN cho cộng đồng dân tộc miền núi. Theo đó, phải tách rõ nội dung và kinh phí trong các chính sách cho cộng đồng dân tộc miền núi, đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện chính sách. Khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội, các chương trình, dự án cùng tham gia công tác GĐLN, góp phần giải quyết và giảm thiểu gánh nặng về kinh phí cho các địa phương trong vấn đề GĐLN.

- Đối với cộng đồng dân tộc miền núi thay đổi phương thức sản xuất, canh tác là quá trình khó khăn. Vì vậy, chính quyền

luôn phải sâu sát và có chính sách hỗ trợ về vốn, giống cây và chuyển giao kỹ thuật canh tác cho người dân đảm bảo hoạt động sản xuất canh tác được hiệu quả, tạo tâm lý hứng khởi thúc đẩy quá trình nhận đất phục vụ cho sản xuất canh tác của cộng đồng dân tộc miền núi. Bên cạnh đó, cần có sự giám sát, theo dõi quá trình sản xuất cũng như sử dụng đất đúng mục đích sau giao đất cho người dân tránh sự hỗ trợ của Nhà nước bị lãng phí, thiếu hiệu quả. Thường xuyên tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm sản xuất của những hộ điển hình, làm kinh tế rừng hiệu quả.

3.3.3. Giải pháp về chính sách

- Hạn chế trong nhận thức của cộng đồng dân tộc miền núi đối với các chính sách của Nhà nước luôn là cản trở lớn trong triển khai công tác GĐLN cho cộng đồng dân tộc miền núi. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến dưới mọi hình thức để cộng đồng dân tộc miền núi thấy rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác GĐLN, cũng như những lợi ích, thành quả của việc trồng rừng sản xuất đối với đời sống của người dân.

- Tăng cường chính sách tham vấn cộng đồng, đẩy mạnh sự tham gia, phối hợp của người dân góp phần quan trọng trong kết quả của công tác giao đất lâm nghiệp. Đối với công tác GĐLN cho cộng đồng dân tộc miền núi, vấn đề tham gia của người dân trong quá trình thực hiện là không thể thiếu. Vì vậy, trên mỗi diện tích đất lâm nghiệp cần phải nêu cao vai trò tham gia, sự phối hợp của người dân để người dân có thể làm chủ trên mỗi thửa đất được giao, tránh các hiện tượng bị chòng lún, tranh chấp ranh giới sử dụng đất, đảm bảo sản xuất, canh tác ổn định và hiệu quả.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về cộng đồng dân tộc miền núi và nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý đất đai, GĐLN cho đội ngũ cán bộ thực hiện ở các cấp. Chất lượng cán bộ có vai trò quan trọng và tác động rất lớn đến kết quả của công tác giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng dân tộc miền núi. Thực tế cho thấy, năng lực cán bộ ở các vùng sâu, vùng xa, vùng cộng đồng dân tộc miền núi còn rất nhiều hạn chế, đội ngũ cán bộ hầu hết chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý đất đai là nguyên nhân cơ bản dẫn đến làm suy giảm lòng tin của người dân đối với một số cán bộ và chính sách của Nhà nước đối với cộng đồng dân tộc miền núi.

3.3.4. Giải pháp quản lý

- Kết quả của công tác GĐLN cho cộng đồng dân tộc miền núi phụ thuộc rất lớn vào sự phối hợp của các cơ quan, chính quyền các cấp. Bởi đất đai và lâm nghiệp là lĩnh vực quản lý có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp chính quyền, đồng thời chứa đựng nhiều khó khăn, phức tạp ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân khu vực vùng cao. Vì vậy, để công tác GĐLN được hiệu quả đòi hỏi phải có sự tham gia, vào cuộc của các ngành liên quan, các cấp chính quyền, theo đó, phải có sự phối hợp một cách nghiêm túc, đầy trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo đúng chức trách với tinh thần giúp người dân giảm nghèo, phát triển bền vững.

- Tiến hành rà soát, đánh giá việc sử dụng đất lâm nghiệp của các tổ chức, kiên quyết thu hồi những diện tích quản lý, sử dụng không hiệu quả để giao cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư khác quản lý, sử dụng hiệu quả hơn. Thực hiện công tác cắm mốc ranh giới đất của các Nông lâm

trường và Ban quản lý rừng phòng hộ.

Khuyến khích và quy định các tổ chức nên quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ xung yếu, rừng có trữ lượng lớn, xa khu dân cư; đối với khu vực rừng, đất lâm nghiệp thuận tiện cho việc sản xuất, bảo vệ nên giao cho nhân dân sử dụng. Thực hiện theo kiến nghị của Ủy ban thường vụ Quốc Hội là kiên quyết thu hồi diện tích đất chưa sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, không hiệu quả, hoặc có hiệu quả nhưng thấp hơn mức trung bình của địa phương để bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý, sử dụng, ưu tiên giao đất cho đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương không có đất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất; giao đất cho các tổ chức, cá nhân thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Bổ sung các quy định về hạn chế quyền chuyển nhượng sử dụng đất lâm nghiệp sau khi giao đất cho các đối tượng chính sách, cộng đồng dân tộc miền núi đảm bảo cho người dân sử dụng đất sản xuất lâm nghiệp được giao có hiệu quả, tránh hiện tượng cộng đồng dân tộc miền núi bị lợi dụng để thực hiện mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâm nghiệp dẫn đến nguy cơ nghèo đói do thiếu đất sản xuất.

- Cần có quy hoạch cụ thể các khu vực đất lâm nghiệp để định hướng giao cho

người dân tại địa bàn vùng sâu, vùng xa trên cơ sở các phân tích, đánh giá đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất và phát triển bền vững. Tiếp tục quy hoạch, rà soát, điều tra diện tích đất rừng tự nhiên nghèo kiệt để chuyển đổi trạng thái rừng sang rừng sản xuất nhằm tăng quỹ đất lâm nghiệp phục vụ giao đất cho hộ gia đình, cá nhân đặc biệt là cộng đồng dân tộc miền núi sử dụng ổn định, hiệu quả.

4. KẾT LUẬN

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu về thực trạng giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng quản lý tại huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, kết quả bài báo rút ra một số kết luận chính như sau:

- Năm 2020, trên địa bàn huyện Minh Hóa có 124.619,01 ha đất lâm nghiệp trong đó có 47,93% là đất rừng sản xuất, 27,45% là đất rừng phòng hộ và 24,62% là đất rừng đặc dụng.

- Trong giai đoạn 2016-2020, huyện Minh Hóa đã giao 15991,17 ha đất lâm nghiệp cho 62 cộng đồng quản lý. Việc giao đất lâm nghiệp được thực hiện ở 12 xã và thị trấn Quy Đạt trên địa bàn huyện và ở các năm 2016-2020.

- Trong diện tích đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng quản lý có 5895,32 ha đất rừng sản xuất; 10.095,85ha đất rừng phòng hộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình (2013), Báo cáo nghiên cứu thực trạng và nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Bình
- [2] Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021. UBND

huyện Minh Hóa

- [3] Bộ Lâm nghiệp (1994), Thông tư số 06-LN/KL ngày 18/6/1994, Hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 về giao đất lâm nghiệp
- [4] Dương Viết Tình (2008), Giáo trình quản lý đất lâm nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Đại học Huế

- [5] Lương Thị Trường và Orlando M. Genotiva (2011), Thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của dân tộc thiểu số tại Việt Nam, Trung tâm Vì con người và rừng (RECOFTC) và Viện Phát triển Quốc tế (DEV), Bangkok, Thailand
- [6] Nguyễn Thị Mỹ Vân (2015), Chính sách giao đất giao rừng và sinh kế bền vững cho cộng đồng các dân tộc thiểu số ở vùng núi tỉnh Thừa Thiên Huế, Luận án tiến sĩ khoa học môi trường, Trung tâm Nghiên cứu tài nguyên và môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Niên giám thống kê huyện Minh Hóa, 2020.

Liên hệ:

TS. Phan Thanh Quyết

Viện Nông nghiệp và Môi trường, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: thanhquyetqbuni@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/02/2021

Ngày gửi phản biện: 25/8/2021

Ngày duyệt đăng: 27/11/2021